

Số: 584 /QĐ-UBND

TP. Trà Vinh, ngày 04 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch hoa viên
nghĩa trang nhân dân thành phố Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

Căn cứ Luật quy hoạch Đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN01:2008 (Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng);

Căn cứ Quyết định số 15/2008/QĐ-BXD ngày 17/11/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Định mức chi phí quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 12/4/2007 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch điều chỉnh và mở rộng quy hoạch chung thị xã Trà Vinh, quy mô đô thị loại III;

Căn cứ Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 26/11/2008 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành Quy định phân cấp thực hiện công tác quản lý nhà nước ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 04/7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Quy chế quản lý Quy hoạch - Kiến trúc đô thị thành phố Trà Vinh,

Căn cứ Công văn số 3097/UBND-KTKT ngày 03/9/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc lập Quy hoạch hoa viên nghĩa trang nhân dân thành phố Trà Vinh;

Căn cứ Công văn số 1406/UBND-KTKT ngày 06/9/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh về việc lập Quy hoạch hoa viên nghĩa trang nhân dân thành phố Trà Vinh;

Căn cứ Công văn số 1378/UBND-KTKT ngày 06/5/2014 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh quy mô lập quy hoạch hoa viên nghĩa trang nhân dân thành phố Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 13/5/2014 của Chủ tịch UBND thành phố Trà Vinh về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch hoa viên nghĩa trang nhân dân thành phố Trà Vinh;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định đồ án quy hoạch hoa viên nghĩa trang nhân dân thành phố Trà Vinh ngày 19/12/2014 của Sở Xây dựng Trà Vinh;

Trên cơ sở Đồ án Quy hoạch Quy hoạch hoa viên nghĩa trang nhân dân thành phố Trà Vinh, do Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc Miền Nam lập tháng 10/2014,

Xét Tờ trình số 05/TTr-P.QLĐT ngày 15/01/2015 của Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố Trà Vinh về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch hoa viên nghĩa trang nhân dân thành phố Trà Vinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch hoa viên nghĩa trang nhân dân thành phố Trà Vinh, với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, quy mô và giới hạn khu đất.

* Địa điểm quy hoạch: Phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

* Ranh giới và quy mô quy hoạch.

- Phía Bắc: Cách đường tránh Quốc lộ 53 dự kiến khoảng 300m.

- Phía Nam: Giáp huyện Châu Thành.

- Phía Tây: Giáp kênh (cách sông Long Bình khoảng 1,3km).

- Phía Đông: Giáp huyện Châu Thành.

- Quy mô diện tích: 45,3 ha.

* Phạm vi nghiên cứu: Thành phố Trà Vinh và các huyện lân cận.

* Quy mô tính toán: Quy mô dự báo về mộ phần trong thời gian 50 năm.

2. Mục tiêu và sự cần thiết phải lập hồ sơ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000.

- Thành phố Trà Vinh và các vùng phụ cận ngày càng phát triển về kinh tế và đời sống xã hội nên thu hút một lượng lớn lao động, dân nhập cư đổ về sinh sống tại thành phố. Bên cạnh việc chăm lo đời sống, công ăn việc làm, nhà ở... thì việc giải

quyết về an táng người quá cố cũng là một trong những vấn đề gặp nhiều khó khăn cho Chính quyền thành phố.

- Nghĩa trang thành phố hiện hữu đã quá tải và không đáp ứng tốt yêu cầu về môi trường sinh thái. Tình trạng thiếu đất hương hỏa đã biến nhiều đất ở khu vực vùng ven, kể cả đất nhà chùa, giáo xứ, đất nhà riêng, đất nông nghiệp thành Nghĩa Trang tự phát, đe dọa môi trường, mất mỹ quan và đầy bất ổn.

- Cùng với quá trình triển khai quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội toàn thành phố, việc lập quy hoạch phân khu hoa viên nghĩa trang nhân dân thành phố Trà Vinh tại phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh là phù hợp với định hướng chung của tỉnh, đồng thời, đáp ứng thêm một phần nhu cầu an táng một cách văn minh và tiện ích cho cộng đồng dân cư thành phố. Góp phần vào công tác bảo vệ môi trường sống chung và cải thiện mỹ quan đô thị trong tương lai.

- Trên địa bàn thành phố đều có các khu nghĩa địa nhỏ tự phát, tuy nhiên việc chôn cất mộ còn khá lộn xộn chưa có sự quản lý chặt chẽ làm mất vẻ mỹ quan đô thị và gây ô nhiễm môi trường, nghĩa trang nhân dân hiện hữu rộng khoảng 6 ha, hiện nay đã lấp đầy, nhu cầu việc an táng, chôn cất là rất cần thiết. Do vậy, chủ trương lập quy hoạch hoa viên nghĩa trang nhân dân thành phố Trà Vinh tại phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nhằm từng bước ổn định nhu cầu an táng, hỏa táng một cách trật tự, đảm bảo vệ sinh môi trường và cảnh quang đô thị.

*** Mục tiêu:**

- Nâng cao việc quản lý nhà nước về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang trên địa bàn thành phố Trà Vinh.

- Tạo quỹ đất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và hình thành một khu nghĩa trang được quản lý theo quy hoạch.

- Xây dựng một khu hoa viên nghĩa trang nhân dân mới, nhằm đáp ứng nhu cầu mai táng của người dân trong khu vực và các vùng lân cận, với hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh, đồng bộ, gắn kết với các hệ thống hạ tầng chung tại khu vực thực hiện dự án.

- Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng đảm bảo được yêu cầu đầu tư của thành phố và phù hợp với định hướng phát triển chung của thành phố.

*** Tính chất, chức năng quy hoạch:**

- Là khu hoa viên nghĩa trang nhân dân tập trung đáp ứng nhu cầu cần thiết để mai táng cho nhân dân thành phố Trà Vinh và các huyện lân cận với đầy đủ chức năng của nghĩa trang, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và dịch vụ, đồng thời phù hợp với văn hoá và tâm linh của người dân.

- Là khu hoa viên nghĩa trang nhân dân phục vụ nhu cầu táng của nhân dân thuộc thành phố Trà Vinh và một số huyện lân cận với nhiều hình thức mai táng: Cải táng, mai táng, cát táng, hỏa táng...

- Hoa viên nghĩa trang nhân dân là nơi phục vụ an nghỉ của người đã mất, đồng thời là nơi có phong cảnh văn minh, hiện đại, sạch đẹp cho người thân đến thăm viếng, có môi trường sinh thái trong lành và bền vững, thân thiện với môi trường.

3. Phân khu chức năng

a. Phân cấp nghĩa trang: Cấp nghĩa trang: Cấp II.

b. Hình thức an táng và các dịch vụ.

- *Các hình thức táng người chết bao gồm:* mai táng, hỏa táng, hung táng, cải táng, cát táng và các hình thức táng khác.

- Mai táng là thực hiện việc lưu giữ hài cốt hoặc thi hài của người chết ở một địa điểm dưới mặt đất.

- Chôn cất một lần là hình thức mai táng thi hài vĩnh viễn trong đất.

- Hung táng là hình thức mai táng thi hài trong một khoảng thời gian nhất định sau đó sẽ được cải táng.

- Cải táng là thực hiện việc chuyển xương cốt từ mộ hung táng sang hình thức táng khác.

- Cát táng là hình thức mai táng hài cốt sau khi cải táng.

- Hỏa táng là thực hiện việc thiêu xác người chết hoặc hài cốt ở nhiệt độ cao.

- Các hình thức lưu trữ tro cốt sau khi hỏa táng.

- *Dịch vụ nghĩa trang bao gồm:* Tổ chức tang lễ, mai táng, hỏa táng thi hài hoặc hài cốt; xây mộ, cải táng, chăm sóc mộ, tu sửa mộ; chăm sóc, bảo quản, lưu giữ tro cốt tại các nhà lưu giữ tro cốt và dịch vụ phục vụ việc thăm viếng, tưởng niệm.

- **Quản lý nghĩa trang** là việc thực hiện các nội dung theo quy chế quản lý đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Các khu chức năng: Khu Hoa viên nghĩa trang nhân dân thành phố Trà Vinh là nghĩa trang cộng đồng với các khu vực chức năng hoàn thiện và phù hợp với văn hóa truyền thống của dân tộc và nhu cầu an táng của người dân địa phương. **Các khu chức năng chủ yếu:**

4.1. Các khu an táng: Địa táng; Hoả táng; Cát táng.

4.2. Khu tâm linh:

- + Quảng trường tưởng niệm, nhà tang lễ nhân dân.
- + Điểm tâm linh thuộc các nghĩa trang thành phần (bàn thờ thổ địa, bàn thờ Phật)

4.3. Khu hệ thống các công trình dịch vụ:

- + Dịch vụ phục vụ tang lễ, thăm viếng.
- + Dịch vụ xây mộ trồng hoa.
- + Dịch vụ kỹ thuật (công trình đầu mối).

4.4. Khu hệ thống cây xanh công viên vườn hoa hồ nước kiến trúc phong cảnh.

- + Mảng cây xanh chung.
- + Hồ nước.
- + Mảng cây xanh của các nghĩa trang thành phần.
- + Các dải cây xanh cách ly.

5. Cơ cấu sử dụng đất.

* Phương án quy hoạch cao tính hiệu quả về kinh tế, xã hội và cảnh quan trong sử dụng đất, quan tâm đảm bảo các yếu tố sau:

- Các khu vực an táng cố gắng bố trí hướng nhìn chính hướng về quảng trường trung tâm (minh đường).

- Quan tâm đến hiện trạng: Quy hoạch và thiết kế cảnh quan bám sát và khai thác địa thế của địa hình nhằm tôn vinh lợi thế về cảnh quan đồng thời tiết kiệm chi

phí và thời gian thi công.

- Tối đa hiệu quả sử dụng đất, đảm bảo phục vụ nhu cầu an táng của nhân dân và làm đẹp cảnh quan.

* Từ đó, đưa ra các ý tưởng quy hoạch và thiết kế cảnh quan của phương án quy hoạch:

- Tổ chức trục thần đạo theo hướng từ Tây sang Đông nằm tại vị trí trung tâm khu đất theo, kết thúc trục này là tổ hợp công trình tâm linh gồm quảng trường tâm linh và nhà tang lễ nhân dân.

- Tại hai vị trí phía Đông Bắc và Tây: Bố trí 2 khu vực đền thờ theo từng tôn giáo cũng là một điểm tâm linh và cảnh quan đặc sắc của nghĩa trang, đem lại bình an, thịnh vượng và giải trừ tai ách.

- Các điểm công trình tâm linh nhỏ (bàn thờ thổ địa, bàn thờ Phật..) kết hợp làm nơi nghỉ chân khi thăm mộ được bố trí tại trung tâm các khu vực an táng thành phần.

- Dải đất nằm sát bên 2 kênh thoát nước đề xuất làm taluy cỏ giạt cấp xuống bờ sông nhằm mở rộng trường nhìn.

- Các khu vực an táng thành phần như khu mộ đơn, mộ đôi, mộ gia đình, mộ danh dự được nghiên cứu bố trí vào các vị trí phù hợp với tính chất mộ nhưng vẫn đảm bảo khai thác được giá trị cảnh quan đặc trưng của khu vực.

- Thiết lập mạng đường khung cơ giới phù hợp để xe có thể tiếp cận đến từng khu vực an táng mà vẫn bám sát địa hình, giảm thiểu tối đa các chi phí san nền nhằm tối ưu hóa hiệu quả của mạng lưới đường khung này.

- Các khu an táng đều có thể tiếp cận bằng cơ giới đến vùng biên của khu, sau đó đi bộ xuống mộ theo các đường đi bộ rợp bóng cây xanh.

- Đường đi bộ trong khu vực đều có dải xanh lớn ven đường để trồng cỏ, trồng cây lớn để tăng diện tích cây xanh và tạo bóng mát cho người đi bộ.

- Hệ thống công viên cây xanh và các điểm cảnh quan chính được bố trí kết hợp theo dải lần phân tán trong khu vực sao cho các khu vực an táng thành phần đều có thể tiếp cận và khai thác cảnh quan từ các mạng xanh, làm mềm không gian vốn chủ yếu là đất xây mộ.

6. Quy hoạch sử dụng đất.

STT	Loại hình sử dụng đất	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)
A	ĐẤT QUY HOẠCH.	100	39.61
1	Đất nghĩa trang thành phần	55	21.79
2	Đất giao thông	10	3.96
3	Đất cây xanh mặt nước	32	12.68
4	Đất công trình phục vụ + Kỹ thuật.	3	1.19
B	ĐẤT DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN.		5.69
	TỔNG DIỆN TÍCH TOÀN KHU		45.30

a. Đất xây dựng nghĩa trang thành phần.

STT	Loại đất	Tỉ lệ (%)	Diện tích (m2)
I	ĐẤT AN TÁNG	55	19,820.3
1.1	Khu vực mộ danh dự		0,204.0
1.2	Khu vực chôn 1 lần		0,079.0
1.3	Khu vực hung táng		2,340.0
1.4	Khu vực cát táng		11,100.0
1.5	Khu vực hỏa táng + lưu tro cốt		6,097.3
II	ĐẤT GIAO THÔNG	8	17,428.4
III	ĐẤT CÂY XANH	36	78,427.8
IV	ĐẤT CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ	1	2,178.6
	TỔNG	100	217,855.0

b. Đất các khu vực mộ.

STT	Loại hình sử dụng	Ký hiệu	DT (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao	Chỉ tiêu mộ (m ² /mộ)	Quy mô mộ phần (số mộ)
I	KHU MỘ DANH DỰ		10,204.0				892.9 1,428.6
		V1	5,102.0	70	1	5 8	446.4 714.3
		V2	5,102.0	70	1	5 8	446.4 714.3
II	NGHĨA TRANG THÀNH PHẦN						
2.1	Khu vực mộ chôn 1 lần		60,079.0				3,295.9 5,404.5
	Đền thờ khu vực	B1	5,087.0	70	2_5		

	Mộ đơn	B2	5,550.0	70	1	5	8	485.6	777.0
	Mộ đơn	B3	5,550.0	70	1	5	8	485.6	777.0
	Mộ đơn	B4	7,899.0	70	1	5	8	691.2	1,105.9
	Mộ đơn	B5	7,899.0	70	1	5	8	691.2	1,105.9
	Mộ đôi	B6	14,047.0	70	1	9	16	614.6	1,092.5
	Mộ gia đình	B7	14,047.0	70	1	18	30	327.8	546.3
2.2	Khu mộ hung táng		22,340.0					1,509.6	2,415.4
	Mộ đơn	C1	6,083.0	70	1	5	8	532.3	851.6
	Mộ đơn	C2	6,083.0	70	1	5	8	532.3	851.6
	Mộ đơn	C3	5,087.0	70	1	5	8	445.1	712.2
	Đền thờ khu vực	C4	5,087.0	70	2_5				
2.3.	Khu mộ cát táng		11,100.0					971.3	1,554.0
	Mộ đơn	D1	5,550.0	70	1	5	8	485.6	777.0
	Mộ đôi	D2	5,550.0	70	1	5	8	485.6	777.0
2.4	Khu hỏa táng+ lưu tro cốt.		16,097.3						
		E1	1,906.6	60	2				
		E2	2,962.0	60	2				
		E3	3,180.0	60	2				
		E4	3,180.0	60	2				
		E5	2,962.0	60	2				
		E6	1,906.6	60	2				
2.5	Khu mộ cho đối tượng xã hội	F1	3,755.0	70	1	5	8	328.56	525.70

7. Quy hoạch kiến trúc cảnh quan.

- Tổ chức trục thần đạo theo hướng từ Tây sang Đông nằm tại vị trí trung tâm khu đất theo, kết thúc trục này là tổ hợp công trình tâm linh gồm quảng trường tâm linh và nhà tang lễ nhân dân.

- Tại hai vị trí phía Đông Bắc và Tây: Bố trí 2 khu vực đền thờ theo từng tôn giáo cũng là một điểm tâm linh và cảnh quan đặc sắc của nghĩa trang, đem lại bình an, thịnh vượng và giải trừ tai ách.

- Các điểm công trình tâm linh nhỏ (bàn thờ thổ địa, bàn thờ Phật..) kết hợp làm nơi nghỉ chân khi thăm mộ được bố trí tại trung tâm các khu vực an táng thành phần.

- Dải đất nằm sát bên 2 kênh thoát nước đề xuất làm taluy cỏ giạt cấp xuống bờ sông nhằm mở rộng trường nhìn.

- Các khu vực an táng thành phần như khu mộ đơn, mộ đôi, mộ gia đình, mộ danh dự được nghiên cứu bố trí vào các vị trí phù hợp với tính chất mộ nhưng vẫn đảm bảo khai thác được giá trị cảnh quan đặc trưng của khu vực.

- Thiết lập mạng đường khung cơ giới phù hợp để xe có thể tiếp cận đến từng khu vực an táng mà vẫn bám sát địa hình, giảm thiểu tối đa các chi phí san nền nhằm tối ưu hóa hiệu quả của mạng lưới đường khu này.

- Các khu an táng đều có thể tiếp cận bằng cơ giới đến vùng biên của khu, sau đó đi bộ xuống mộ theo các đường đi bộ rợp bóng cây xanh.

- Đường đi bộ trong khu vực đều có dải xanh lớn ven đường để trồng cỏ, trồng cây lớn để tăng diện tích cây xanh và tạo bóng mát cho người đi bộ.

- Hệ thống công viên cây xanh và các điểm cảnh quan chính được bố trí kết hợp theo dải lần phân tán trong khu vực sao cho các khu vực an táng thành phần đều có thể tiếp cận và khai thác cảnh quan từ các mạng xanh, làm mềm không gian vốn chủ yếu là đất xây mộ.

8. Kiến trúc công trình: Công trình kiến trúc gồm các công trình: Nhà tang lễ nhân dân, Nhà hỏa táng, nhà lưu tro cốt, đền thờ, công trình dịch vụ đáp ứng nhu cầu dịch vụ hỏa táng, thăm viếng của những người thân đối người đã mất. Quy mô của các công trình được tính theo tiêu chuẩn quy phạm, đảm bảo bán kính và quy mô phục vụ.

9. Thiết kế cảnh quan: Công vào dự án đề xuất thiết kế theo hình tượng công tam quan, có tính gợi mở và dẫn dắt khách thăm viếng nghĩa trang. Có thể đưa các tích nhà Phật hoặc tượng Phật, tượng Chúa... vào các tiểu cảnh hoặc cụm cảnh quan tại các khu vực cây xanh công viên, quanh hồ cảnh quan, trong các khu an táng thành phần để tăng tính chất tâm linh và yếu tố thẩm mỹ cho nghĩa trang. Các tiểu cảnh và cụm cảnh quan trong khu vực này không cần lớn về quy mô, nhiều màu sắc mà cần đạt được độ tinh tế nhất định trong thẩm mỹ và truyền đạt được những ý nghĩa tinh thần mà nó muốn gửi gắm.

** Thiết kế trực cảnh quan và các công trình điểm nhấn*

- **Diện công trình cuối tuyến nhìn quan trọng - công trình điểm nhấn cấp 1:** Là những công trình có khối tích và quy mô lớn, thường có những chức năng quan trọng và thu hút người cũng như trường nhìn, nằm trên các trục đường chính và kết thúc các trục chính trong khu vực. Các công trình này cần được thiết kế nhấn mạnh về tính thẩm mỹ: Nhà tang lễ nhân dân, Nhà hỏa táng, trụ biểu

- **Công trình điểm nhấn cấp 2:** Là các công trình điểm nhấn có quy mô nhỏ hơn, yếu tố vị trí ít quan trọng hơn, thường đứng độc lập và không có mối liên hệ mạnh về không gian đối với xung quanh như công trình điểm nhấn cấp 1. Các công trình điểm nhấn cấp 2 có quy mô trung bình và có các chức năng khác ngoài chức năng thiết kế đô thị (chức năng là công trình điểm nhấn, nặng về yếu tố thẩm mỹ): Nhà dựng tro cốt, nhà quản lý....

* - **Công trình điểm nhấn cấp 3:** Là công trình điểm nhấn có quy mô nhỏ hơn và yếu tố vị trí ít quan trọng hơn các công trình điểm nhấn cấp 2. Các công trình điểm nhấn cấp 3 thường đứng độc lập và không có mối liên hệ mạnh về không gian đối với xung quanh như công trình điểm nhấn cấp 1 và 2. Có thể có các chức năng khác ngoài chức năng thiết kế đô thị (chức năng là công trình điểm nhấn, nặng về yếu tố thẩm mỹ) như chòi nghỉ, đài phun nước, tượng đài....

10. Quy hoạch hệ thống hạ tầng.

a. Giao thông.

* Giao thông đối ngoại:

- Quốc lộ 53 dự kiến giai đoạn 2 cách 300m về phía Bắc, hướng thành phố Trà Vinh – Duyên Hải.

- Quốc lộ 54 cách 1.94km về phía Tây, hướng thành phố Trà Vinh – huyện Châu Thành. 2 tuyến đường giáp ranh với khu vực (mặt cắt A-A) giúp kết nối khu quy hoạch với các khu vực khác thông qua tuyến quốc lộ 53 và 54.

* Giao thông nội bộ trong Nghĩa trang: Mạng lưới đường dạng hướng tâm kết hợp với các trục đường vành đai, bao gồm:

- Đường trục chính:

+ Bề rộng 18.00m = 3.00 + 3.50 + 5.00 + 3.50 + 3.00 : Trục chính, hướng từ Tây sang Đông.

+ Bề rộng 12.00m = 3.00 + 3.00 + 3.00 + 3.00 : Là các trục hướng tâm.

+ Bề rộng 10.00m = 5.00 + 5.00 : Là các trục đường vành đai.

- Đường phụ: Nối các khu vực chính trong nghĩa trang, lộ giới 4.00m và 6.00m.

b. Chuẩn bị đất xây dựng: Căn cứ vào chế độ thủy văn, tình hình ngập úng thực tế của khu vực, chọn cao độ nền xây dựng tối thiểu là 2.3m.

- Các khu vực xây mới:

+ Khi san nền các khu vực cao độ phải gắn kết với 2 đường giáp ranh dự án.

+ Các khu vực dự kiến quy hoạch có cao độ $\geq 2.3\text{m}$ để tránh ngập úng cục bộ.

+ Độ dốc nền nhỏ nhất 5‰ đối với khu vực chôn cất và 1‰ đối với khu vực cây xanh cách ly, đảm bảo thoát nước tốt.

+ Địa hình tự nhiên tương đối thấp và nhiều kênh rạch, nằm trong khu vực ảnh hưởng của sông Long Bình nên tiến hành đắp nền đến cao độ xây dựng ($H_{\min} = 2.3\text{m}$) theo mốc cao độ nhà nước.

+ Cao độ san lấp được lấy theo cao độ tuyệt đối, ứng với mốc cao độ hòn dẫu.

+ Để bảo vệ cảnh quan tự nhiên của các sông, rạch xung quanh khu đất đề xuất trồng cây xanh cách ly xung quanh các sông, rạch.

+ Để bảo vệ kênh rạch chống sạt lở bờ kênh, đề xuất giải pháp xây dựng kè dọc các kênh trong khu vực. Kết cấu chính bằng đất kết hợp trồng cỏ và cọc cừ tràm để gia cố.

+ Giải pháp kè chỉ là đề xuất, khi triển khai chi tiết sẽ điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện địa chất, thủy văn của khu vực.

+ Cao độ san lấp từng khu được thể hiện chi tiết trên bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật khu đất xây dựng.

+ Nghiệm thu theo QPXD 20 TCN-65.

d. Thoát nước mưa:

- Để đảm bảo vệ sinh cho khu vực, sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

- Mạng lưới thoát nước phân tán theo địa hình thiết kế của các lưu vực, hướng thoát nước chính ra các kênh trong khu vực và vị trí kênh giáp phía Tây khu vực quy hoạch.

- Hệ thống thoát nước đảm bảo đầy đủ, đồng bộ từ tuyến thoát nước đến cửa xả đúng các yêu cầu kỹ thuật.

- Xây dựng hệ thống thoát nước riêng, là các tuyến mương kín nắp đan chạy dọc theo các đường trục đường. Các vị trí nằm trên lề đường bố trí hệ thống mương kín loại không chịu tải; các vị trí băng đường trên các tuyến giao thông bố trí mương kín bằng bê tông cốt thép và có nắp đan chịu lực.

- Hệ thống mương có nắp đáy sử dụng mương xây có ốp lát gạch theo yêu cầu của kiến trúc; hệ thống mương kín bằng bê tông cốt thép có khả năng chịu lực. Kích thước mương từ $b \times h = 40 \times 60 \text{cm}$ đến $b \times h = 60 \times 80 \text{cm}$ tùy thuộc vào lưu lượng nước mưa trên mỗi tuyến.

- Độ dốc mương theo độ dốc dọc của đường. Trong một số trường hợp cụ thể tùy theo tính toán có thể tăng độ dốc mương phù hợp để đảm bảo khả năng thoát nước của mương

e. Cấp nước: Nước từ hệ thống cấp nước chung của đô thị đi vào cấp cho khu quy hoạch với đường ống có đường kính D150mm. Nước từ đường ống được dẫn vào bể chứa. Từ bể chứa nước được bơm cấp vào mạng lưới cấp nước với đường kính D150mm và D100mm. Tại mỗi công trình đều có bể nước mái để dự trữ nước sử dụng trong ngày. Khi có nhu cầu tưới cây sẽ cho máy bơm hoạt động để bơm nước tưới cây và đưa nước lên các bể trên mái nhà.

f. Thoát nước bản.

- Hệ thống thoát nước được thiết kế riêng, nước mưa được thu gom theo một hệ thống cống riêng và xả thẳng ra nguồn. Nước thải được xử lý cục bộ qua bể tự hoại 3 ngăn trước khi đi theo đường cống thu gom đến trạm xử lý nước thải công suất $20 \text{m}^3/\text{ngày}$ rồi xả vào hệ thống thoát nước mưa. Nước trước khi vào hệ thống thoát nước mưa phải đạt loại B theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT.

- Rác thải sinh hoạt được tập trung trồng các thùng $0,33 \text{m}^3$ đặt tại khu vực gần nhà bảo vệ, nhân viên phục vụ sẽ thu gom rác tới vị trí này, sau đó sẽ được đem đi xử lý.

g. Cấp điện: Nguồn cấp điện cho Khu quy hoạch lấy từ đường dây trung thế 15kV từ trạm biến áp 110kV Đa Lộc.

- Lưới điện phân phối 22kV:

+ Tuyến cáp ngầm dùng cáp XLPE 22kV (tối đa 24KV), cáp sử dụng là cáp đồng 3 lõi, tiết diện 120mm^2 , màn chắn lõi cáp bằng vật liệu phi kim loại, bao gồm lớp hợp chất bán dẫn ép bên trên lớp băng bán dẫn, mỗi lõi cáp được bọc cách điện bằng XLPE, lớp vỏ bọc ngoài chung cho cả 3 pha được làm bằng nhựa PVC.

+ Phương thức đặt cáp: Cáp được chôn trực tiếp trong đất, đi trong ống chịu lực, đi dọc theo lề đường, và độ chôn sâu cáp trung bình là 1 mét dưới đất, các lắp đặt cáp, đi cáp ngầm phải tuân theo quy phạm của ngành điện

+ Thực hiện các phương thức bù vô công trên lưới để hệ số công suất đạt 0,92 – 0,95.

+ Lưới điện phân phối trung thế Khu quy hoạch sẽ ở cấp điện áp 22kV.

+ Cấp điện áp của trạm hạ thế phân phối được lựa chọn là 22/0,4KV .

+ Trạm hạ thế 22/0,4kV là loại trạm trong nhà hoặc trạm compact có dung lượng 560kVA.

+ Nổi đất: dùng nổi đất lặp lại, khoảng cách trung bình từ 200 đến 250 m.

- Lưới điện phân phối hạ thế 0,4kV:

+ Lưới điện hạ thế (cung cấp và chiếu sáng) của khu trung tâm khu quy hoạch sử dụng cáp ngầm. Các tủ điện phân phối được đặt tại các vị trí công trình công cộng.

+ Bảo vệ phía hạ thế sử dụng MCCB – 3P.

- Lưới điện chiếu sáng:

+ Hệ thống chiếu sáng của toàn bộ khu quy hoạch được thiết kế đi ngầm.

+ Lưới điện chiếu sáng cần đảm bảo về mỹ quan cho đô thị, mức độ chiếu sáng phải đạt theo tiêu chuẩn 20 – TCN95-03 của Bộ Xây dựng.

+ Chiếu sáng đường và sân bãi dự kiến dùng đèn cao áp Sodium 150W-220V có chóa và cần đèn đặt trên trụ đèn thép tráng kẽm cao 8m, hai cột liên tiếp cách nhau từ 25m÷40m.

+ Đèn chiếu sáng giao thông lắp đặt mới sử dụng đèn Sodium cao áp 150W-220V, ánh sáng màu vàng cam.

+ Các tủ điều khiển chiếu sáng đặt gần các trạm biến áp, lấy nguồn từ trạm biến áp, sử dụng tủ điều khiển chiếu sáng hoàn toàn tự động, có các tiêu chuẩn kỹ thuật sau:

- Vỏ tủ bằng Tole sơn 2 lớp kích thước 500 x 800 x 220.

- Áptomat 3 pha 100A.

- Khởi động từ 100A-220V/380.
- Bộ hẹn giờ (timer) có nguồn nuôi phụ khi mất điện loại 2 kênh, khi cài đặt phải thay đổi ngày chế độ với nhau.
- Cầu chì 5A (loại vận thân bằng sứ, có chân bắt vào đế tủ).
- Máng cáp 45x45 (dùng để che dây nội bộ tủ).

h. Thông tin liên lạc.

- Hệ thống thông tin liên lạc của khu trung tâm khu quy hoạch được thiết kế đi ngầm.

- Tùy theo nhu cầu sử dụng của từng khu mà cáp thông tin có dung lượng khác nhau, tương ứng với dung lượng các hộp cáp.

- Mạng lưới thông tin liên lạc của khu vực quy hoạch được lập với nhiều phương án, chọn phương án tối ưu là phương án có chiều dài đường dây nhỏ nhất và đảm bảo dự phòng cho các năm sau.

*** Tuyến Cáp:**

- Cáp trong của khu vực chủ yếu sử dụng loại cáp cống có dầu chống ẩm đi trong cống bê (ngầm) có tiết diện lõi dây 0,5mm .

- Cáp chính từ dàn phối dây đến các tủ cáp là loại cáp đồng được luồn trong ống nhựa PVC Ø100/110mm đi ngầm.

*** Tuyến cống bê cáp:**

- Đầu tư xây dựng mới các tuyến cống bê trong khu vực, các tuyến cống bê có dung lượng 2-6 ống PVC Ø100/110mm sẽ được đi trên vỉa hè trong khu vực với độ sâu 0,6 – 0,8m.

- Sử dụng ống nhựa PVC đường kính D100/110 tròn trơn nong 1 đầu. Kích thước và tiêu chuẩn cơ lý hoá theo tiêu chuẩn TC.VNPT/06.2003 về ống nhựa dùng cho tuyến cáp ngầm.

- Tại các vị trí bố trí các tủ cáp sẽ có các ống ngoi lên tủ.

- Những vị trí lắp đặt cống cáp qua đường thì lắp ống nhựa PVC chịu lực có đường kính 100/110 độ dày 6,8mm và được chôn sâu trên 1,0m.

- Các bể cấp trong khu vực sử dụng bể đỡ bê tông loại 1,2 và 3 nắp đan dưới hè. Khoảng cách giữa các bể cấp từ 80 đến 120m.

- Ngoài ra sẽ có các tuyến cống phụ từ bể cấp, hộp cấp đưa tới từng công trình sẽ được luồn trong ống Ø34 và đi ngầm dưới phần hoàn thiện của vỉa hè.

Điều 2. Giao Phòng Quản lý đô thị thành phố Trà Vinh chịu trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố Đồ án nêu trên cho các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan được biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện.

Tổ chức thực hiện cấm mốc giới xây dựng ngoài thực địa khi quy hoạch được công bố.

Lập kế hoạch cụ thể để thực hiện quy hoạch được duyệt và quy chế quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố, Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố, Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường thành phố, Chủ tịch UBND phường 9 và Thủ trưởng các phòng ban thành phố có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./..

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Xây dựng;
- Sở TN & MT;
- Sở KH & ĐT;
- TT. TU, TT. HĐND TP;
- CT, PCT Khối Đô thị;
- Như điều 3;
- Công ty TNHH XD Kiến trúc Miền Nam;
- BLĐ. VP, đ/c Sang;
- Lưu (b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Tân